

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 19/5/2023
*V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung và cấp dưỡng nuôi con
chung”.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc vạng

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký TAND tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/5/2023 và 19/5/2023 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLPT- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 159/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Trọng C - năm sinh 1988;

Địa chỉ: Tổ E, Ấp C, xã B, huyện C - Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh C về tranh chấp nuôi con, là: anh Trần Tấn L, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ G, khóm M, phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Trọng C là luật sư Huỳnh Thị Quỳnh H- Văn phòng L1 thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ.

2. Bị đơn: **Lê Thị N** - sinh năm 1992;

Địa chỉ: Tổ E, Ấp C, xã B, huyện C - Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Nhà trọ S, đường N, tổ C, Khóm D, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N là luật sư Hồ Thị Xuân H1 – Văn phòng L2 thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ.

3. Người kháng cáo là anh Nguyễn Trọng C, là nguyên đơn trong vụ án.

(Các đương sự và đại diện hợp pháp của đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Trọng C và lời trình bày của đại diện hợp pháp của anh C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng C và chị Lê Thị N qua tìm hiểu, được sự chấp nhận của hai bên gia đình đã tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 10/5/2016.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau khi có con cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và mâu thuẫn bắt đầu xảy ra. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nay anh C quyết định ly hôn với chị Lê Thị N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 05/6/2017, hiện con chung đang sống với anh C. Khi ly hôn, anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai, cũng không cho ai nợ.

Người đại diện theo ủy quyền về việc nuôi con chung của anh Nguyễn Trọng C yêu cầu để anh C được trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 05/6/2017. Yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng, do anh C là người có thu nhập ổn định và con chung đang sống với anh C; nếu để chị N nuôi con sẽ khó khăn trong việc thi hành án; hiện tại con chung đã nhập học tại Trường mầm non B; việc thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng không tốt cho con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N thừa nhận lời trình bày của anh C về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 05/6/2017. Ngày 29/6/2022 gia đình chị N và gia đình anh C gặp nhau để thống nhất ký đơn viết tay thỏa thuận ly hôn (cha anh Chánh đọc cho chị N viết) và đồng ý giao quyền nuôi con cho chị N. Từ ngày 29/6/2022 chị N cùng con tên Nguyễn Ngọc H2 rời khỏi nhà anh C. Bé H2 sống với chị N và đi học gần nhà tại Trường mầm non xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Đến ngày 02/12/2022, anh C đến rước con về nội chơi đến ngày 04/12/2022 chở về và chị N đã đồng ý. Nhưng từ đó đến nay anh C không đưa con về và cho con nhập học tại Trường mầm non B. Chị N có đến gặp cháu H2 nhưng cháu sợ anh C la mắng. Do cháu H2 là con gái và còn nhỏ, nên khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là ½ tháng lương cơ sở, cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai, cũng không cho ai nợ.

* Tại quyết định bản án sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST, ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Trọng C.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trọng C và chị Lê Thị N.

Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Trọng C.

Chị Lê Thị N được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 05/6/2017.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng số tiền bằng ½ tháng lương cơ sở tại từng thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 05/6/2017 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Trọng C phải chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh C đã nộp theo biên lai số 0014740 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh C phải nộp thêm 150.000 đồng.

Chị Lê Thị N phải chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/01/2023, anh Nguyễn Trọng C kháng cáo, yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 05/6/2017 và yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh L là người đại diện theo ủy quyền của anh C rút một phần kháng cáo về việc cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của anh C về việc nuôi con chung và đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Trọng C, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Anh C và chị N có một con chung tên Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 05/6/2017 và hiện cháu H2 đang sống chung với anh C. Chị N cho rằng vào ngày 29/6/2022 gia đình chị N và gia đình anh C gặp nhau để thống nhất ký đơn viết tay thỏa thuận ly hôn trong đó có nội dung gia đình anh C đồng ý giao quyền nuôi con cho chị N, nên từ ngày 29/6/2022 chị N cùng con (cháu H2) rời khỏi nhà anh C về nhà mẹ ruột chị N ở và cháu H2 cũng đi học tại Trường mầm non xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; tại phiên tòa phúc thẩm, chị N xác định là đến

đầu tháng 12/2022, anh C đến rước con về nội chơi, hứa đến vài ngày sẽ chở con về trả lại cho chị N và chị N đã đồng ý, nhưng từ đó đến nay anh C không trả con về cho chị.

Xét thấy, chị N và anh C đều không cung cấp cho Tòa án tờ thỏa thuận như nói trên nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, anh C cũng thừa nhận có tờ thỏa thuận như chị N trình bày. Tuy nhiên, anh C và chị N đều thừa nhận lý do viết tờ thỏa thuận đó là do lúc đó anh chị cãi vã và mâu thuẫn nên mới làm tờ thỏa thuận chứ ý chí của cả hai đều không nghĩ là sẽ ly hôn thật. Mặt khác, nếu có tờ thỏa thuận này thì tờ thỏa thuận cũng được viết trước thời điểm anh C nộp đơn yêu cầu ly hôn và cũng không phải thông qua thủ tục giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật, nên tờ thỏa thuận này không có giá trị pháp lý.

Về điều kiện kinh tế để nuôi con chung thì cả anh C và chị N đều có điều kiện như nhau; anh C và chị N đều có công việc và thu nhập ổn định (anh C và chị N đều làm việc tại Công ty D). Tuy nhiên, về môi trường sống, điều kiện học tập, việc gần gũi để giáo dục con chung thì Hội đồng xét xử thấy chị N thừa nhận hiện tại chị làm việc tại Công ty D và ở trọ, đến cuối tuần mới về nhà mẹ ruột ở Hồng N1 thăm và gần gũi cháu H2, và trên thực tế cũng đã cho thấy trong thời gian cháu H2 được chị N dẫn đi rời khỏi nhà anh C thì chị N cũng chỉ giao cháu H2 cho mẹ chị nuôi dưỡng, chăm sóc và đưa đi học, trong tuần chị có về với con một hai lần; trong khi đối với anh C thì anh C sáng đi làm (ở Công ty D như chị N) và chiều vẫn về nhà và gần gũi cháu H2, vì nhà anh C gần nơi làm việc hơn so với chị N, tức anh C có điều kiện gần gũi, chăm sóc và giáo dục cháu H2 hằng ngày, là tốt hơn đối với chị N và đây là điều kiện quan trọng đối với sự phát triển của trẻ em.

Mặt khác, xét thấy hiện tại cháu H2 cũng đã được học tập ổn định tại Trường mầm non B; trường cũng gần nhà anh C, nên cần thiết phải giữ nguyên sự ổn định về chỗ ở, môi trường sống và học tập của cháu H2. Ngoài ra, mặc dù cháu H2 hiện tại chưa được 07 tuổi để xem xét ý kiến và nguyện vọng của cháu, nhưng trên thực tế, hiện tại cháu H2 có tinh thần và tình cảm tốt đối với anh C cũng như ông bà nội, cháu H2 không muốn hoặc không dám đến gần chị N, điều này đã thể hiện rõ diễn biến tại thời gian diễn ra phiên tòa phúc thẩm ngày 09/5/2023; đối với lời trình bày của chị N cho rằng điều đó là do phía anh C là mắng, hăm dọa cháu H2 nên cháu H2 mới không dám gặp hay đến gần chị...là không có cơ sở, vì chị N không có chứng cứ chứng minh nội dung trình bày này. Do đó, việc giao cháu H2 cho chị N nuôi dưỡng là không phù hợp, vì không đảm

bảo vệ các mặt môi trường sống, học tập, ảnh hưởng xấu về mặt tinh thần, tình cảm của cháu H2, mà việc cháu H2 được phía anh C nuôi dưỡng sẽ tốt hơn đối với các mặt nói trên.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh C, quyết định giao con chung là cháu H2 cho anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh C, Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của anh C không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện là phù hợp pháp luật, nên chấp nhận.

Vì vậy, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm.

[2] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của anh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là chưa phù hợp với pháp luật và thực tế như nhận định trên, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh C đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của anh C về việc nuôi con chung. Xét thấy là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận yêu cầu kháng cáo anh Nguyễn Trọng C về việc nuôi con chung; Đình chỉ kháng cáo của anh Nguyễn Trọng C về việc cấp dưỡng nuôi con, Sửa một phần bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[5] Do sửa bản án sơ thẩm nên anh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Trọng C về việc nuôi con chung.

2. Đình chỉ yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Trọng C.

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trọng C và chị Lê Thị N.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Trọng C.

Anh Nguyễn Trọng C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 05/6/2017. Chị Lê Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh C không có yêu cầu.

Chị Lê Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Anh Nguyễn Trọng C phải chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014740 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Anh C được nhận lại 150.000 đồng.

+ Chị Lê Thị N phải chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí phúc thẩm: anh Nguyễn Trọng C không phải chịu, nên được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000046 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thuỷ